

SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI
ƯỚC TÍNH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 3105 /BC-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng	Lũy kế so với kế hoạch %
A	B	1	2	3= 2/1
1. Nông nghiệp *				
1.1. Trồng trọt (cây lương thực có hạt, cây hàng năm)				
Lúa, nếp (Lúa đông xuân, Lúa hè thu, Lúa thu đông)				
- Diện tích gieo trồng	Ha	5,933	5,933	100.00%
- Diện tích thu hoạch	Ha	5,933	4,852	81.78%
- Năng suất	Tấn/Ha	6.4	6.7	105.81%
- Sản lượng (khô sạch)	Tấn	38,387	32,702	85.19%
Diện tích một số loại cây hàng năm		905	920	101.66%
- Ngô	Ha			
- Khoai lang	Ha			
- Khoai mì	Ha			
- Dưa hấu	Ha			
-	Ha			
- Rau đậu các loại	Ha			
Diện tích hiện có một số cây lâu năm		208	210	100.71%
- Cây ăn quả		208	210	100.96%
+ Xoài	Ha		17	
+ Cam, quýt	Ha		37	
+ Cây khác			156	
- Cây công nghiệp lâu năm				
+ Điều	Ha			
+ Hồ tiêu	Ha			
+.....				
1.2. Chăn nuôi (số đầu con tại thời điểm.....)				
- Đàn Trâu	Con			
- Đàn Bò	Con	290	267	92.07%
- Đàn heo	Con	665	793	119.25%
- Đàn gia cầm	1000 con	17	18	101.75%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng	Lũy kế so với kế hoạch %
A	B	1	2	3= 2/1
Trong đó: + Đàn gà	"	12	12	100.00%
'+ Đàn vịt	"	5	6	110.00%
2. Lâm nghiệp (nếu có)				
2.1. Sản lượng gỗ khai thác	m ³			
2.2. Sản lượng củi khai thác	Ste			
2.3. Số vụ cháy rừng	Vụ			
2.4. Diện tích rừng bị cháy	Ha			
2.5. Số vụ phá rừng	Vụ			
2.6. Diện tích rừng bị phá	Ha			
3. Thủy sản				
* Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	29,000	23,000	79.31%
- Cá các loại	Tấn	29,000	23,000	79.31%
- Tôm	"			
- Thủy sản khác	"			
Chia ra:				
3.1. Sản lượng thủy sản khai thác	Tấn			
- Cá các loại	Tấn			
- Tôm	"			
- Thủy sản khác	"			
3.2. Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Tấn			
- Cá các loại	"			
- Tôm	"			
Trong đó: Thẻ chân trắng	"			
Tôm sú	"			
- Thủy sản khác	"			
II. CÔNG NGHIỆP				
1. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu *				
- Xay xát	Tấn			
- Chế biến thủy sản	Tấn			
- Chế biến hải sản	Tấn			
- Nước mắm	Lít			
- Quần áo	1000 cái			
- Giày dép	1000 đôi			
-				
-				
III. VỐN ĐẦU TƯ TỪ NSNN				
1. Số dự án	Dự án			

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng	Lũy kế so với kế hoạch %
A	B	1	2	3= 2/1
2. Giải ngân vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý (Có đến 15/.../202...)	Tỷ đồng			
2.1 Vốn trong nước	"			
- Vốn đầu tư từ ngân sách của cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp xã	"			
- Vốn đầu tư từ ngân sách cấp xã	"			
2.2. Vốn ngoài nước ODA	"			
IV. THU, CHI NGÂN SÁCH				
1. Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tr. đồng	193,070	160,119	82.93%
Trong đó: Thu nội địa	"	5,177	2,449	47.31%
2. Tổng chi NS địa phương quản lý	Tr. đồng	193,070	130,805	67.75%
Tổng Chi ngân sách trên địa bàn	"			
2.1. Chi đầu tư phát triển	"			
2.2. Chi thường xuyên	"	193,070	130,805	
<i>Trong đó:</i>				
Chi giáo dục		134,250	90,351	
Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				
Chi y tế				
Chi văn hóa, thông tin			477	
Chi phát thanh, truyền thanh			50	
Chi thể dục thể thao			85	
Chi bảo vệ môi trường				
Chi các hoạt động kinh tế				
Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước,			17,117	
Đảng, đoàn thể			10,871	
Chi công tác xã hội			7,162	
chi sự nghiệp môi trường			171	
Chi khác				
V. THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ				
Tổng lượt khách du lịch	1.000 Lượt người			
Khách đến các khu, điểm du lịch	"			
Chia ra: Khách trong nước	"			
Khách quốc tế	"			
VI. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI				
1. Giải quyết việc làm				

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng	Lũy kế so với kế hoạch %
A	B	1	2	3= 2/1
Số lượt lao động được tạo việc làm	Người	790	816	103.29%
+ Trong tỉnh	"	205	178	86.83%
+ Ngoài tỉnh	"	577	627	108.67%
+ Xuất khẩu Lao động	"	8	11	137.50%
2. Tình hình tai nạn giao thông				
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	0	2	
Đường bộ	"	0	2	
Đường thủy	"	0		
Số người chết	Người	0	2	
Đường bộ	"	0	2	
Đường thủy	"	0		
Số người bị thương	Người	0	0	
Đường bộ	"	0	0	
Đường thủy	"	0		
3. Cháy nổ				
Số vụ cháy, nổ	Vụ	0	0	
Số người chết	Người	0	0	
Số người bị thương	Người	0	0	
Tổng giá trị thiệt hại	Triệu đồng	0	0	
4. Tình hình thiên tai				
- Số nhà sập	Nhà			
- Số nhà tốc mái	"			
- Số người chết	Người			
- Số người bị thương	Người			
- Tổng số tiền thiệt hại	Triệu đồng			
Chỉ tiêu thực hiện kỳ báo cáo năm *				
1. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	1.31	1.65	
2. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%		66.67	
3. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm	%	86.85	84.68	97.50%
4. Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%	99	99	100.00%
5. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	86.49	86.49	100.00%